TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HSST
Ngày 16/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Quang Mỹ

2. Ông Lâm Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Du - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2024/ TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

MA VĂN Q (tên gọi khác không); Sinh ngày 25/02/1965, tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 06/10; dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phúc L (đã chết) và bà Hà Thị L (đã chết); Vợ Lường Thị T; Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 1987, Con nhỏ sinh năm 1990); Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo Ma Văn Q hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Ma Văn Q:* Bà Nông Thị Lệ Q - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn.(Có mặt)

* *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lục Đình H – Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Theo văn bản ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn). Vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lường Thị T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/7/2024, Công an huyện Chợ Đồn phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện Chợ Đồn, Uỷ ban nhân dân xã Y kiểm tra, phát hiện tại lô 49, khoảnh 5, tiểu khu 328 khu rừng K thuộc thôn Kh, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là khu vực rừng sản xuất, trạng thái là rừng tự nhiên, hiện trạng rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất (HG1) bị phát phá trái phép. Qua đo đạc sơ bộ, diện tích bị phát phá trái phép là 7.460 m2 (Bảy nghìn bốn trăm sáu mươi mét vuông), xác minh ban đầu xác định người thực hiện hành vi phát phá là bị cáo Ma Văn Q.

Ngày 16/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương xã Y tiến hành khám nghiệm hiện trường đối với diện tích rừng bị phát phá trên. Qua khám nghiệm xác định tổng diện tích rừng bị phát phá là 8.650 m^2 (Tám nghìn sáu trăm năm mươi mét vuông) thuộc lô 49, khoảnh 5, tiểu khu 328 khu rừng K thuộc thôn Kh, xã Y, huyện C, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, số lâm sản bị chặt hạ là 46 (Bốn mươi sáu) gốc cây gỗ tự nhiên các loại và 1.142 (Một nghìn một trăm bốn mươi hai) cây vầu.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh diễn biến hiện trạng đối với khu rừng trên, qua đó xác định từ năm 2007 đến nay diện tích rừng thuộc lô 49, khoảnh 5, tiểu khu 328 khu rừng K thuộc thôn Kh, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có trạng thái là rừng tự nhiên, được quy hoạch chức năng rừng sản xuất. Cụ thể: Đối chiếu với Bản đồ hiện trạng 3 loại rừng xã Y1 (Nay là xã Y), huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã được phê duyệt theo Quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21/05/2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn thì diện tích phát phá nêu trên tại lô 3, khoảnh 3, tiêu khu 328 thuộc thôn Kh, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, có diện tích 33,8 ha, chức năng rừng sản xuất, trạng thái rừng hỗn giao gỗ vầu (GV). Theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 trên địa bàn huyện Chợ Đồn ban hành theo Quyết định 499/QĐ-UBND ngày 07/03/2022; bản đồ hiện trạng rừng năm 2023 trên địa bàn huyện Chợ Đồn ban hành theo Quyết định 302/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện Chợ Đồn thì diện tích

rừng bị phát phá trên là rừng sản xuất, trạng thái là rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất (HG1).

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Ma Văn Q khai nhận: Do có nhu cầu lấy đất canh tác (Trồng rừng) nên vào khoảng tháng 01/2024, Ma Văn Q đã thuê một nhóm người dân tộc Mông (Không rõ tên, tuổi, địa chỉ do nhóm người này hay đi phát rừng thuê, Q chỉ gặp ngoài đường) để phát rừng. Bị cáo Ma Văn Q trực tiếp dẫn nhóm người dân tộc Mông này lên khu rừng K thuộc thôn Kh, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để xem rừng, bàn bạc giá thuê phát, chỉ vị trí, ranh giới cần phát và thống nhất giá thuê với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau đó nhóm người dân tộc Mông sử dụng dao, máy cưa xăng chặt hạ các cây Vầu, Giang, dây leo và các cây gỗ tự nhiên với nhiều chủng loại và kích thước khác nhau, trong thời gian nhóm người dân tộc Mông này phát rừng thì thỉnh thoảng Q vào kiểm tra, khoảng bốn ngày thì họ phát xong diện tích rừng trên. Đến khoảng tháng 6 năm 2024, Q mang theo dao một mình đi vào khu rừng đã thuê phát nêu trên để dọn tuyến xung quanh và tiến hành đốt toàn bộ cây đã chặt hạ. Khoảng tháng 7 năm 2024, Q gặp và nhờ ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1956, trú tại thôn Kh1, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn liên hệ hộ một nhóm người dân tộc Mông (Không rõ tên tuổi, địa chỉ do nhóm này vừa phát thuê cho ông Tr xong) đến dọn dẹp và trồng cây mỡ trên toàn bộ diện tích đã phát phá với giá 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng).

Nguồn gốc diện tích rừng mà bị cáo Ma Văn Q thuê người dân phát trên là vào năm 1995, Q được Lâm trường huyện Chợ Đồn thuê trồng và chăm sóc cây cho Lâm trường, tuy nhiên quá trình trồng do trồng xen kẽ giữa các cây Mỡ, Quế, Lát, Trám với nhau và không được chăm sóc nên gần như toàn bộ số cây đã trồng đều bị chết hết, sau đó Q không trồng lại mà để các cây rừng tự nhiên mọc. Đến năm 2012, Nhà nước có chủ trương giao đất, giao rừng nên Ma Văn Q được UBND huyện Chợ Đồn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích rừng trên. Sau khi được giao đất, giao rừng Ma Văn Q chưa trồng cây lên diện tích rừng này mà để cây rừng tự nhiên mọc cho đến khi thuê người dân vào phát để trồng rừng vào tháng 01 năm 2024.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 13/KL-HĐĐGTS ngày 14/09/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chợ Đồn kết luận:

"46 gốc cây tự nhiên nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 0,847^{m3} (tài sản để tại rừng) có giá trị tại thời điểm tháng 01 năm 2024 là 338.800 đồng (Ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng);

Đối với 1.142 cây vầu có đường kính từ 05 cm-12cm do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không tách được có bao nhiêu cây non, cây bánh tẻ, cây già nên Hội đồng không đủ cơ sở để xác định giá trị của 1.142 cây vầu theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn;

Đối với nội dung xác định thiệt hại về môi trường của khu vực rừng bị phát phá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu nên Hội đồng không đủ cơ sở để xác định giá trị thiệt hại về môi trường theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn"

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 (Một) con dao bằng kim loại, dạng dao quắm có chiều dài 47 cm (Trong đó lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 17cm), phần rộng nhất lưỡi dao 4,5 cm, dao đã qua sử dụng do Ma Văn Q sử dụng để phát tuyến đốt dọn rừng hiện đang được tạm giữ tại Kho vật chứng Công an huyện Chợ Đồn chờ xử lý.

Đối với 46 (Bốn mươi sáu) gốc cây tự nhiên nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 0,847^{m3} (Không phẩy tám bốn bảy mét khối) để tại hiện trường, hiện đang giao cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C quản lý.

Đối với chiếc bật lửa mà bị cáo Ma Văn Q dùng để đốt các cây gỗ đã chặt hạ, bị cáo Q đã vứt do hết ga nên không thu giữ được; Đối với số lâm sản (Các loại cây tự nhiên) và 1.142 (Một nghìn một trăm bốn mươi hai) cây vầu bị chặt trên diện tích rừng mà Ma Văn Q phát phá trái phép do đã bị đốt dọn để lấy mặt bằng canh tác nên quá trình điều tra không xác định và thu hồi được.

Phần dân sự: Nguyên đơn dân sự UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã uỷ quyền cho ông Lục Đình H - Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tham gia tố tụng đã có đơn đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước đối với những tài sản đã có kết luận định giá với số tiền cụ thể, đồng thời yêu cầu bị cáo thực hiện việc trồng rừng khắc phục hậu quả. Đối với việc không xác định được giá trị của 1.142 (Một nghìn một trăm bốn mươi hai) cây vầu và thiệt hại về môi trường nguyên đơn dân sự không có ý kiến, đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số: 54/CT-VKSCĐ ngày 28/11/2024. Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Ma Văn Q về tội: "*Hủy hoại rừng*" theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ma Văn Q phạm tội "Hủy hoại rừng".

Về hình phạt chính đề nghị: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ma Văn Q từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách 36 đến 48 tháng.

Về hình phạt bổ sung đề nghị: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị: - Buộc bị cáo bồi thường cho Nhà nước số tiền 338.800 đồng (Ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng), được trích từ số

tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền còn lại là 661.200 đồng (Sáu trăm sáu mươi mốt nghìn hai trăm đồng) mà bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả.

- Đối với việc không xác định được giá trị của 1.142 (Một nghìn một trăm bốn mươi hai) cây vầu và thiệt hại về môi trường nguyên đơn dân sự không có ý kiến, đề nghị gì nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) con dao bằng kim loại, dạng dao quắm có chiều dài 47 cm (Trong đó lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 17cm), phần rộng nhất lưỡi dao 4,5 cm, dao đã qua sử dụng do bị cáo Ma Văn Q sử dụng làm phương tiện để phát phá rừng trái phép. Đối với 46 (Bốn mươi sáu) gốc cây tự nhiên nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 0,847^{m3} (Không phẩy tám bốn bảy mét khối) để tại hiện trường, giao cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn quản lý;

Về án phí đề nghị: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Ma Văn Q theo quy định.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại đối với đối với 46 (Bốn mươi sáu) gốc cây tự nhiên nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 0,847^{m3} (Không phẩy tám bốn bảy mét khối) bị chặt hạ với số tiền là: 338.800 đồng (Ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng) theo Kết luận định giá tài sản số:13/KL-HĐĐGTS ngày 14/09/2024. Đối với việc không xác định được giá trị của 1.142 (Một nghìn một trăm bốn mươi hai) cây vầu và thiệt hại về môi trường nguyên đơn dân sự không có ý kiến, đề nghị gì. Đối với 46 (Bốn mươi sáu) gốc cây tự nhiên nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 0,847^{m3} (Không phẩy tám bốn bảy mét khối) để tại hiện trường, đề nghị giao cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn quản lý.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lường Thị T vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt bà T không có đề nghị gì và yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Tr vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Tr không có đề nghị gì và yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt ông S không có đề nghị gì và yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Ma Văn Q tại phiên tòa trình bày luận cứ: Về tội danh Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ. Ngoài ra người bào chữa có đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại và phần án phí như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Về hình phạt chính người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo từ 12 đến 15 tháng tù và ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Về hình phạt bổ sung: Người bào chữa đề nghị không xử phạt bổ

sung đối với bị cáo do bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Về trách nhiệm dân sự: Người bào chữa đề nghị ghi nhận việc bị cáo đồng ý bồi thường cho nguyên đơn dân sự; Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn án phí, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa và Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát cho rằng, người bào chữa cho bị cáo đưa ra mức đề nghị với hình phạt chính từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách là 24 đến 30 đối với bị cáo là không phù hợp với pháp luật. Vì diện tích rừng mà bị cáo Q đã phát, phá là 8.650 m^2 (Tám nghìn sáu trăm năm mươi mét vuông), trong khi điều luật quy định diện tích rừng bị hủy hoại là từ 5.000m^2 đến dưới 10.000m^2 – như vậy trong khoảng diện tích điều luật quy định thì diện tích trên là cao và mức hình phạt chính mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là hợp lý và đúng quy định của pháp luật. Giữa người bào chữa và Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Ý kiến của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự với số tiền là 338.800 đồng (Ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng), trừ vào số tiền 1.000.000đ mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, đối với số tiền còn thừa bị cáo không có đề nghị được lấy lại. Bị cáo Q không có ý kiến bổ sung lời bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật là cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do có nhu cầu lấy đất canh tác (Trồng rừng) nên vào khoảng tháng 01 năm 2024, bị cáo Ma Văn Q, đã có hành vi thuê người phát phá trái phép 8.650 m^2 (Tám nghìn sáu trăm năm mươi mét vuông) rừng sản xuất trạng thái là rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất (HG1) gây thiệt hại 46 (Bốn mươi sáu) gốc cây gỗ tự nhiên các loại từ nhóm V đến nhóm VIII (Tương đương số tiền 338.800 đồng (Ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng)) và 1.142 (Một nghìn một trăm bốn mươi hai) cây vầu tại lô 49, khoảnh 5, tiểu khu 328 khu rừng K thuộc thôn Kh, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả đo đạc diện tích do bị cáo hủy hoại và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ của vụ án. Bị cáo thực hiện hành vi khi có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết mình chưa được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cho phép cải tạo rừng sản xuất là rừng tự nhiên để trồng rừng mới nhưng bị cáo vẫn cố ý thuê người khác phát phá rừng tự nhiên để trồng rừng mới. Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Hành vi phát phá trái phép rừng với diện tích là 8.650 m^2 (Tám nghìn sáu trăm năm mươi mét vuông) của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Hủy hoại rừng*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số: 54/CT – VKSCĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng, xâm hại đến sự bền vững và ổn định môi trường, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tại địa phương - phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Do đó cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo giáo dục bị cáo đồng thời để đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung trong cộng đồng dân cư trên địa bàn.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo :

- Về nhân thân: Bị cáo Ma Văn Q không có tiền án, tiền sự. Nên được coi là có nhân thân tốt.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 52/BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*"; Sau khi phát phá, bị cáo đã trồng lại cây Mỡ trên toàn bộ diện tích rừng mà bị cáo đã thuê người phát phá trái phép và bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn với mục đích để bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng 02 (Hai) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là "*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*"; Ngoài ra bị cáo mẹ vợ là bà Triệu Thị L được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đảm bảo việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Bị cáo là lao động tự do nên thu nhập không ổn định, bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, ngoài ra bị cáo hiện nay là người cao

tuổi (60 tuổi) đã hết độ tuổi lao động. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại số lâm sản bị hủy hoại với tổng số tiền là 338.800 đồng (Ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng). Quá trình điều tra bị cáo đã nộp số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn theo biên lai thu tiền số: 002134 ngày 25/10/2024 để bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự. Hội đồng xét xử xác định việc tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần chấp nhận; Đối với số tiền còn lại là 661.200 đồng (Sáu trăm sáu mươi mốt nghìn hai trăm đồng) bị cáo không có yêu cầu được trả lại, do đó tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (Một) con dao bằng kim loại, dạng dao quắm có chiều dài 47 cm (Trong đó lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 17cm), phần rộng nhất lưỡi dao 4,5 cm, dao đã qua sử dụng - xác định là công cụ dùng vào việc phạm tội không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 46 (Bốn mươi sáu) gốc cây tự nhiên nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 0,847^{m3} (Không phẩy tám bốn bảy mét khối) để tại hiện trường - cần giao cho Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn quản lý và xử lý theo thẩm quyền.

[8]. Đối với 02 (Hai) nhóm người dân tộc Mông không rõ tên, tuổi, địa chỉ mà bị cáo Ma Văn Q đã thuê phát phá và dọn dẹp, trồng cây mỡ trên diện tích rừng trên, kết thúc điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

[9] Đối với bà Lường Thị T (vợ của bị cáo), là người cùng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà bị cáo Q phát phá trái phép, quá trình điều tra xác định trong thời gian bị cáo Q thuê người phát phá rừng bà T không ở nhà nên không biết việc Q thuê người phát phá khu rừng, không được tham gia hay có ý kiến gì đối với việc Q phát phá rừng, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[10]. Đối với ông Phạm Văn Tr là người mà bị cáo Q nhờ liên hệ với nhóm người dân tộc Mông để thuê dọn dẹp và trồng rừng, quá trình điều tra xác định ông Tr chỉ liên hệ hộ, không biết cụ thể Q phát phá loại rừng gì, không được tham gia hay có ý kiến gì đối với việc Q phát phá rừng, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

[11]. Đối với ông Nguyễn Văn S là người bán cây Mỡ giống cho bị cáo Q, quá trình điều tra xác định ông S không liên quan đến việc phát phá rừng của bị cáo Q nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

[12]. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin

được miễn án phí. Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được miễn toàn bộ án phí vụ án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt chính và xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Ma Văn Q phạm tội " Hủy hoại rừng".

[2]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 38; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65/ Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Ma Văn Q 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Ma Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ma Văn Q theo khoản 4 Điều 243/BLHS.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Ma Văn Q phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho Ủy Ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 338.800 đồng (Ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm đồng) được trích từ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn theo biên lai thu tiền số: 002134 ngày 25/10/2024; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền còn lại là 661.200 đồng (Sáu trăm sáu mươi mốt nghìn hai trăm đồng).

[4]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) con dao bằng kim loại, dạng dao quắm có chiều dài 47 cm (Trong đó lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 17cm), phần rộng nhất lưỡi dao 4,5 cm, dao đã qua sử dụng.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chợ Đồn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn)*

Giao cho Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn quản lý và xử lý theo thẩm quyền 46 (Bốn mươi sáu) gốc cây tự nhiên nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 0,847^{m3} (Không phẩy tám bốn bảy mét khối) để tại hiện trường.

[5]. Án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, và đơn xin miễn án phí của bị cáo. Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

[6]. Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Công an huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- Người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Anh